

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ NGÃ NĂM
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 68/2023/DS-ST

Ngày: 30 - 6 - 2023.

“V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NGÃ NĂM, TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Phước Toàn.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Danh Kim Tuyền

Bà Lê Thị Thúy Kiều.

- Thư ký phiên tòa: Ông Quách Văn Diễn – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

Trong ngày 30 tháng 6 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 67/2023/TLST-DS, ngày 03 tháng 4 năm 2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 111/2023/QĐXXST-DS ngày 31/5/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 113/2023/QĐST-DS ngày 15/6/2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1. Bà **Đặng Thị Kiều D**, sinh năm 1981.

2. Ông **Nguyễn Quốc D**, sinh năm 1976.

Cùng địa chỉ: khóm D, phường A, thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện theo ủy quyền của các nguyên đơn anh Nguyễn Văn N, sinh năm 1996, địa chỉ: ấp T thị trấn P, huyện T, tỉnh Sóc Trăng, theo giấy ủy quyền ngày 20/3/2023 (có mặt)

- Bị đơn:

1. Ông **Nguyễn Văn M**, sinh năm 1963.(vắng mặt)

Địa chỉ: ấp T, xã L, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

2. Chị **Nguyễn Thị Hồng D**, sinh năm 1990. (có mặt)

Địa chỉ: khóm E, phường A, thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn anh Nguyễn Văn N trình bày:**

Nguyên vào ngày 25/11/2017 bà Nguyễn Thị Hồng D và ông Nguyễn Văn M có vay của các nguyên đơn số tiền 150.000.000 đồng. Đến ngày 28/11/2017 thì bà D tiếp tục vay của nguyên đơn với số tiền 50.000.000 đồng, khi vay hai bên có làm biên nhận, lãi suất theo thỏa thuận là 2%, đóng lãi hằng tháng cho đến khi nào các nguyên đơn cần vốn và yêu cầu chị D và ông M trả lại cho các nguyên đơn. Trong quá trình vay thì phía chị D và ông M trả cho các nguyên đơn được 40.000.000 đồng tiền lãi. Đến khi các nguyên đơn cần vốn thì yêu cầu chị D và ông M trả nhưng phía chị D và ông M cứ hứa hẹn mà không trả và cũng không đóng lãi cho các nguyên đơn.

Nay các nguyên đơn ông Nguyễn Quốc D, bà Đặng Thị Kiều D khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Văn M và chị Nguyễn Thị Hồng D trả cho các nguyên đơn với tổng số tiền nợ gốc là 200.000.000 đồng và lãi suất theo quy định trên số tiền vay từ ngày 28/11/2017 đến ngày 18/5/2022 tổng cộng là 53 tháng $\times 1\% \times 200.000.000$ đồng = 106.000.000 đồng trừ đi số tiền lãi các bị đơn đã đóng là 40.000.000 đồng, còn lại số tiền lãi là 66.000.000 đồng. Khởi kiện tính 54 tháng lãi là nhằm nên tính lại 53 tháng.

*** Tại phiên tòa bị đơn chị Nguyễn Thị Hồng D trình bày:**

Chị thừa nhận vào ngày 25/11/2017 chị với cha chị là ông Nguyễn Văn M có vay của ông Nguyễn Quốc D và bà Đặng Thị Kiều D số tiền là 150.000.000 đồng, vay dùm cho người khác, khi vay hai bên thỏa thuận lãi suất là 5%. Đến ngày 28/11/2017 chị có vay thêm của ông D và bà D số tiền 50.000.000 đồng, do lúc đó cha chị đi nuôi vịt chạy đồng nên không có trực tiếp ký vào biên nhận nhưng tiền vay thì chị cũng đưa cho cha chị để cho người khác mượn. Sau khi vay thì chị đóng lãi lại cho ông D và bà D hằng tháng mỗi tháng là 10.000.000 đồng. Đối với số tiền vay 200.000.000 đồng thì chị và cha chị đã trả cho ông D và bà D 02 lần với số tiền 90.000.000 đồng. Khi trả tiền và đóng lãi thì không có làm biên nhận và cũng không có tài liệu gì chứng minh việc chị đã đóng lãi và trả tiền nợ gốc cho ông D và bà D. Đối với chữ ký trong các biên nhận thì chị thừa nhận là của chị và của ông M cha chị.

Nay chị đồng ý trả cho ông D và bà D số tiền còn nợ là 110.000.000 đồng. Đối với tiền lãi thì chị xin miễn lãi do hiện hoàn cảnh khó khăn nên không có khả năng trả.

*** Bị đơn ông Nguyễn Văn M vắng mặt,** Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng gồm: Thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về việc mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa. Tuy nhiên, phía bị đơn không có văn bản trình bày ý kiến đối với nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

- Về tố tụng:

[1] Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu các bị đơn trả số tiền vay còn nợ nên quan hệ pháp luật tranh chấp được HĐXX xác định là “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”. Đồng thời, các bị đơn có địa chỉ cư trú tại thị xã N, tỉnh Sóc Trăng. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng theo qui định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa vắng mặt bị đơn, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ lần thứ 2 nhưng bị đơn ông Nguyễn Văn M vẫn vắng mặt không rõ lý do. Do đó, HĐXX quyết định xét xử vắng mặt bị đơn ông Nguyễn Văn M theo quy định tại khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung:

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn về việc yêu cầu các bị đơn trả tiền vay còn nợ là 200.000.000 đồng. Nhận thấy, để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện, các nguyên đơn có cung cấp các biên nhận ngày 25/11/2017 và biên nhận ngày 28/11/2017 với tổng số tiền là 200.000.000 đồng. Tại phiên tòa bị đơn chị D thừa nhận chị với ông M có vay của nguyên đơn tổng số tiền là 200.000.000 đồng đây là tình tiết, sự kiện được các đương sự thừa nhận nên không phải chứng minh theo qui định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự. Theo bị đơn bà D cho rằng đã trả cho nguyên đơn số tiền vay 02 lần với tổng số tiền là 90.000.000 đồng. Tuy nhiên, bị đơn không có tài liệu, chứng cứ gì chứng minh là đã trả cho nguyên đơn số tiền gốc là 90.000.000 đồng. Do đó, đối với lời trình bày của bị đơn là không có cơ sở chấp nhận. Từ đó, đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn trả số tiền vay 200.000.000 đồng là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại Điều 466 và Điều 470 của Bộ luật dân sự nên HĐXX chấp nhận.

[4] Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc tính lãi suất theo quy định của pháp luật từ ngày 28/11/2017 đến ngày 18/5/2022 theo mức lãi suất 1%. Xét thấy, theo biên nhận thì các bên không có thỏa thuận lãi suất. Tuy nhiên, tại phiên tòa bị đơn thừa nhận có đóng lãi cho nguyên đơn. Do đó, đối với việc nguyên đơn yêu cầu tính lãi đối với số tiền vay là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại khoản 5 Điều 466 và khoản 2 Điều 470 của Bộ luật dân sự. Đối với mức lãi suất nguyên đơn yêu cầu tính lãi 1% là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự và hướng dẫn tại Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về Hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm nên HĐXX chấp nhận. Do đó, tiền lãi được tính cụ thể như sau: (28/11/2017 đến ngày 18/5/2022) là 04 năm 05 tháng 20 ngày x 200.000.000 đồng x 1% = 107.333.333 đồng. Tuy nhiên, đại diện nguyên đơn chỉ

yêu cầu trả số tiền lãi là 106.000.000 đồng là có lợi cho bị đơn nên HĐXX chấp nhận. Đồng thời nguyên đơn cũng thừa nhận bị đơn có đóng lãi cho nguyên đơn được số tiền 40.000.000 đồng nên cần trừ lại cho bị đơn.

[5] Xét về nghĩa vụ liên đới của các bị đơn trả số tiền còn nợ cho các nguyên đơn. Nhận thấy, đối với biên nhận ngày 25/11/2017 vay số tiền 150.000.000 đồng thì đều có các bị đơn ký nhận vào biên nhận. Đối với biên nhận ngày 28/11/2017 vay số tiền 50.000.000 đồng chỉ có một mình bị đơn chị D ký nhận. Theo chị D việc vay tiền của các nguyên đơn là để cha chị cho người khác mượn lại. Đối vay ngày 28/11/2017 thì do cha chị đi nuôi vịt chạy đồng nên không có mặt để ký biên nhận. Tuy nhiên, sau khi nhận tiền vay của các nguyên đơn chị đều đưa cho cha chị hết. Xét thấy, mặc dù biên nhận ngày 28/11/2017 bị đơn ông M không có ký nhận. Tuy nhiên, giữa ông M với chị D có quan hệ là cha con với nhau. Đồng thời, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông M nhưng ông M vẫn không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn. Do đó, đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn ông M cùng với bị đơn chị D có trách nhiệm liên đới trả số tiền còn nợ là có cơ sở chấp nhận.

[6] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn được chấp nhận nên các bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo qui định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Nguyên đơn không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 280, Điều 466, Điều 468 và Điều 470 của Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Quốc D và bà Đặng Thị Kiều D.

Buộc các bị đơn ông Nguyễn Văn M, chị Nguyễn Thị Hồng D có trách nhiệm liên đới trả cho nguyên đơn ông Nguyễn Quốc D và bà Đặng Thị Kiều D tổng số tiền còn nợ là 266.000.000 đồng (*hai trăm sáu mươi sáu triệu*), gồm tiền vốn gốc là 200.000.000 đồng và tiền lãi là 66.000.000 đồng. Trong đó, ông Nguyễn Văn M chịu trách nhiệm trả số tiền 133.000.000 đồng (*một trăm ba mươi ba triệu đồng*), chị Nguyễn Thị Hồng D chịu trách nhiệm trả số tiền 133.000.000 đồng (*một trăm ba mươi ba triệu đồng*)

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất qui định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc các bị đơn ông Nguyễn Văn M, chị Nguyễn Thị Hồng D chịu án phí dân sự sơ thẩm là 13.300.000 đồng (*mười ba triệu ba trăm nghìn đồng*). Trong đó, ông Nguyễn Văn M chịu 6.650.000 đồng (*sáu triệu sáu trăm năm mươi ngàn đồng*), chị Nguyễn Thị Hồng D chịu 6.650.000 đồng (*sáu triệu sáu trăm năm mươi ngàn đồng*).

Nguyên đơn ông Nguyễn Quốc D và bà Đặng Thị Kiều D không phải chịu án phí. Hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho các nguyên đơn đã nộp 6.700.000 (*sáu triệu bảy trăm ngàn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006454 ngày 15/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

3. Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh ST;
- VKSND thị xã Ngã Năm;
- Chi cục THADS thị xã Ngã Năm;
- Lưu HS-VA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Phước Toàn